

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2021/HS-ST

Ngày: 12-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Trung Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/TLST-HS ngày 04/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Dương T, sinh ngày: 17/11/1981, tại B; trú tại: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1956, trú tại: thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Đ; chồng: Ngô Văn P, sinh năm 1977 (đã ly hôn); con: có 02 con lớn nhất sinh năm 2008 và nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- Bị hại: bà Trần Thị Thanh P, sinh năm: 1974, trú tại: số X, đường H, phường X, thành phố L. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984, trú tại: thôn K, xã Lc, huyện Lnh, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Nguyễn Dương T là nhân viên hợp đồng của Công ty bảo hiểm DAI-ICHI đến cuối năm 2017 do T vi phạm hợp đồng nên Công ty bảo hiểm đã kết thúc hợp đồng với T. Trong thời gian làm việc tại Công ty bảo hiểm DAI-

ICHI, T có quen biết với Nguyễn Thị H là người cùng làm tại Công ty bảo hiểm DAI-ICHI. Trong thời gian làm việc, H có bán bảo hiểm cho bà Trần Thị Thanh P nhưng đến năm 2017 H nghỉ việc, năm 2018 bà P không thấy Công ty bảo hiểm DAI-ICHI đến thu tiền bảo hiểm nên không đóng tiền bảo hiểm, do đó bảo hiểm của bà P bị chấm dứt nhưng bà P không biết hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt. Năm 2019, bà P điều trị bệnh hết 18.500.000đ nên đã gọi điện thoại cho H hỏi về việc thanh toán bảo hiểm số tiền trên. Sau khi nghe H nói bảo hiểm đã bị ngưng do không đóng tiền thường xuyên thì bà P có nhờ H tư vấn khôi phục hợp đồng bảo hiểm để thanh toán số tiền điều trị bệnh, H nói với bà P sẽ hỏi đùm cách khôi phục hợp đồng bảo hiểm. Đến khoảng tháng 7/2020, H gặp T tại L, H nhờ T khôi phục hợp đồng bảo hiểm cho bà P. Do không có việc làm và cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền khôi phục hợp đồng bảo hiểm của bà P nên đồng ý nhận lời H phục hồi bảo hiểm cho bà P. Lúc này, H đưa số điện thoại của bà P cho T, T gọi điện thoại cho bà P giới thiệu là nhân viên bảo hiểm do H giới thiệu đến tư vấn. Sau đó, H nhờ T chở H đến nhà bà P, đến nơi thì H về, T vào gặp bà P hỏi tình trạng hợp đồng, T nói số tiền cần khôi phục là 50.680.000đ. Nghe vậy, bà P tin tưởng giao số tiền 50.680.000đ cho H, khi nhận tiền T lấy tờ biên lai thu tiền viết rồi giao cho bà P (biên lai do T mua ở nhà sách trước đó) và hẹn bà P 1 tháng sau quay lại trả lời kết quả. Sau khi chiếm đoạt số tiền của bà P xong, T đã sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân. Đến khoảng tháng 8/2020, bà P gọi điện hỏi T về việc khôi phục hợp đồng, do lo sợ bà P phát hiện được mình không khôi phục hợp đồng nên T đã đến đưa cho bà P số tiền 18.500.000đ và nói đây là tiền bảo hiểm thanh toán cho hồ sơ chữa bệnh và còn nói hợp đồng của bà P đã được khôi phục. Sau đó 3 ngày, bà P mở hồ sơ hợp đồng bảo hiểm ra xem thì thấy bị mất giấy biên nhận số tiền 50.680.000đ mà T đã viết cho bà P. Bà P ghi ngờ T lấy trộm hóa đơn nên đã gọi đến Công ty bảo hiểm DAI-ICHI để xác minh thì được biết hợp đồng bảo hiểm của bà bị ngưng và chưa khôi phục nên đã báo Cơ quan Công an thành phố L.

Vật chứng thu giữ: 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Dương T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đen bên trong có 1 sim số 0912388380; 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu đen; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số Imei: 35379074045677; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số mode: A1687 và 400.000đ

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, T và gia đình đã đến Công ty bảo hiểm D nộp số tiền 68.230.000đ và khôi phục hợp đồng bảo hiểm cho bà P.

Bị hại bà Trần Thị Thanh P bị T chiếm đoạt tổng cộng là 50.680.000đ. T đã bồi thường thiệt hại cho bà P bằng cách nộp số tiền 68.230.000đ cho Công ty bảo hiểm D để khôi phục hợp đồng bảo hiểm cho bà P. Bà P có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSĐL ngày 25/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Nguyễn Dương T về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận vào khoảng tháng 7/2020 bằng cách giả làm nhân viên bảo hiểm D đã thực hiện chiếm đoạt số tiền 50.680.000đ của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng. Trả lại cho bị cáo 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Dương T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đen bên trong có 1 sim số 0912388380; 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu đen; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số Imei: 35379074045677; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số mode: A1687

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản xác minh, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng:

Tuy bị cáo không còn làm việc tại Công ty bảo hiểm DAI-ICHI nhưng sau khi nghe Nguyễn Thị H nhờ khôi phục hợp đồng bảo hiểm của Công ty bảo hiểm DAI-ICHI của bà Trần Thị Thanh P do 2 năm không đóng tiền bảo hiểm với số tiền 50.680.000đ thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị Thanh P, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo nói với bà P mình là nhân viên Công ty bảo hiểm DAI-ICHI và bị cáo viết giấy biên nhận tiền để bà P tin tưởng có thể khôi phục hợp đồng bảo hiểm nhằm giao số tiền 50.680.000đ cho bị cáo. Sau khi nhận tiền, do lo sợ bị phát hiện nên bị cáo mới đưa cho bà P 18.500.000đ và nói đây là số tiền bảo hiểm thanh toán cho hồ sơ chữa bệnh của bà P, việc bị cáo đưa số tiền 18.500.000đ cho bà P cũng chỉ nhằm mục đích che dấu hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ Luật dân sự.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải xử phạt bị cáo T mức hình phạt nghiêm, phù hợp với hành

vì mà bị cáo gây ra để răn đe mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có ông ngoại, bác và bố của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo hiện là mẹ đơn thân đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ dưới 13 tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, do đó chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng mức hình phạt cho bị cáo được tự cải tạo, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Đến nay, người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

[4] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Dương T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đen bên trong có 1 sim số 0912388380; 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu đen, model: AGS2-109; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số Imei: 354379064045677; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số mode: A1687, màn hình bị nứt vỡ đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến vụ án nên hoàn trả cho bị cáo. Riêng số tiền 400.000đ là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Dương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dương T 24 (hai bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Dương T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng)
(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2021 giữa Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L)

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Dương T: 01 thẻ Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Dương T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ đen bên trong có 1 sim số 0912388380; 01 máy tính bảng hiệu HUAWEI màu đen, model: AGS2-109; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số Imei: 354379064045677; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng số mode: A1687, màn hình bị nứt vỡ *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2021 giữa Công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L)*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Dương T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tp L;
- Chi cục THADS tp. L;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- Công an tp. L;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL
- NVLQ;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy